



zhì shēn

置身

verb · place oneself

Example Sentences

tā zhì shēn yú rén qún zhī zhōng gǎn dào gū dú
他置身于人群之中，感到孤独。

He placed himself among the crowd and felt lonely.

tā xǐ huān zhì shēn dà zì rán zhōng fàng sōng xīn qíng
她喜欢置身大自然中放松心情。

She likes to place herself in nature to relax.

Trace each character, then write the word on your own.

置	置	置	置	置	置	置	置	置	置	置
置	置	置	置	置						

身	身	身	身	身	身	身	身	身	身	

